

Số: 113/QĐ-BTCHT

Bắc Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Tiêu chí đánh giá giải pháp kỹ thuật tham dự
Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ VII, năm (2016-2017)**

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC HỘI THI SÁNG TẠO KỸ THUẬT TỈNH

Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-LHHVN ngày 19/4/2016 của Đoàn Chủ tịch Hội đồng Trung ương Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam về việc ban hành Thể lệ Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật toàn quốc lần thứ 14;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 04/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc thành lập Ban Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ VII, năm (2016-2017); Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh về việc tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ VII;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-BTCHT ngày 26/7/2016 của Ban Tổ chức Hội thi về việc ban hành Thể lệ Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ VII, năm (2016-2017);

Sau khi xin ý kiến thống nhất của các thành viên Ban Tổ chức Hội thi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chí đánh giá giải pháp kỹ thuật tham dự Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ VII, năm (2016-2017).

Điều 2. Hội đồng Giám khảo Hội thi căn cứ Tiêu chí để đánh giá, chấm điểm, xếp loại các giải pháp kỹ thuật dự thi.

Điều 3. Ban Tổ chức, Hội đồng Giám khảo Hội thi, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Dương Văn Thái, PCT UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Ban KHKT.

Bản điện tử:

- UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan phối hợp;
- Các Hội thành viên LHH;

**TM. BAN TỔ CHỨC HỘI THI
TRƯỞNG BAN**

Ni Lu

**Nguyễn Văn Thi
CHỦ TỊCH LIÊN HIỆP CÁC HỘI KH&KT**

TIÊU CHÍ

Đánh giá giải pháp kỹ thuật tham dự Hội thi sáng tạo kỹ thuật lần thứ VII, năm (2016-2017)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 113/QĐ-BTCHT ngày 30 / 5/ 2017
của Ban Tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh lần thứ VII)*

1. Tiêu chí đánh giá giải pháp dự thi

1.1. Có tính mới, tính sáng tạo so với giải pháp tương tự đã có

+ Tính mới: Giải pháp lần đầu tiên thực hiện tại tỉnh Bắc Giang (không trùng với giải pháp đã công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào hoặc đã được áp dụng ở trong tỉnh trước ngày nhận hồ sơ), được nghiên cứu, ứng dụng đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao trên địa bàn tỉnh và chưa nhận giải thưởng trong các cuộc thi, hội thi, giải thưởng khác được tổ chức tại tỉnh Bắc Giang.

+ Tính sáng tạo: Giải pháp kỹ thuật đã được mô tả, công bố trong các nguồn thông tin hoặc giải pháp đã có ở tỉnh nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo và có cải tiến so với giải pháp hiện có.

1.2. Có hiệu quả kinh tế - kỹ thuật- xã hội vượt trội

Giải pháp mang lại lợi ích kinh tế - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã được thực hiện ở Bắc Giang, quá trình áp dụng không tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội. Lợi ích có thể tính được thành tiền hoặc không tính thành tiền.

+ Lợi ích được tính thành tiền: là tiền làm lợi do áp dụng giải pháp kỹ thuật; giá trị lợi ích được xác định thông qua tổng số tiền tiết kiệm được do áp dụng giải pháp như (giảm chi phí nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định,...).

+ Lợi ích không tính được thành tiền là lợi ích liên quan đến giáo dục, sức khỏe, môi trường và đời sống con người như: cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập, chữa bệnh, cải thiện điều kiện sống, điều kiện lao động (giảm tiếng ồn, độ độc hại, nâng cao an toàn lao động, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, tăng khả năng quốc phòng an ninh và trật tự xã hội,...); giá trị lợi ích được xác định thông qua các chỉ tiêu như: hiệu quả kỹ thuật, khối lượng và phạm vi áp

dụng giải pháp kỹ thuật, mức độ phức tạp của giải pháp kỹ thuật, giá trị khoa học kỹ thuật, số người đã được hưởng lợi, ...

1.3. Có khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện của tỉnh

Giải pháp dự thi đã được áp dụng, hoặc đã được thử nghiệm, sản xuất thử, hoặc được chứng minh khả năng áp dụng có hiệu quả trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

* **Giải pháp đoạt giải Nhất** bên cạnh những tiêu chí trên phải có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có khả năng áp dụng rộng rãi, cụ thể:

- Trường hợp lợi ích của giải pháp được tính thành tiền thì giá trị làm lợi của giải pháp kỹ thuật phải đạt từ 300 triệu đồng/năm trở lên.

- Trường hợp lợi ích của giải pháp không tính được thành tiền thì giải pháp kỹ thuật phải có sự đóng góp vào cơ sở lý luận của vấn đề cần nghiên cứu, tạo ra những luận cứ khoa học, những giải pháp để thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; được áp dụng ở tối thiểu 3 cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Thang điểm đánh giá các giải pháp dự thi theo từng tiêu chí

2.1. Tính mới, tính sáng tạo: Số điểm tối đa là 30 điểm, cụ thể:

- Nếu giải pháp kỹ thuật chưa bộc lộ ở Bắc Giang dưới hình thức sử dụng hoặc mô tả trong các nguồn thông tin kỹ thuật đã phổ biến, tối đa 30 điểm.

- Nếu các giải pháp kỹ thuật đã mô tả trong các nguồn thông tin có ở trong tỉnh hoặc sản phẩm đã có ở Bắc Giang nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo và có cải tiến so với giải pháp hiện có, tối đa 20 điểm.

2.2. Hiệu quả kinh tế, xã hội, kỹ thuật: Số điểm tối đa là 40 điểm, cụ thể:

- *Hiệu quả kinh tế:* Là lợi ích thu được do áp dụng giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Hiệu quả kinh tế được xác định theo một trong hai trường hợp sau:

- + Có minh chứng so sánh các chỉ tiêu tiết kiệm được, chỉ tiêu giá trị thu nhập tăng thêm được tính toán cụ thể trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng thử giải pháp kỹ thuật dự thi với giải pháp kỹ thuật đã biết, tối đa 20 điểm.

- + Có minh chứng và phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống, tối đa 16 điểm.

- *Hiệu quả kỹ thuật*: Được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới tiến bộ hơn của giải pháp kỹ thuật dự thi so với giải pháp kỹ thuật đã biết, tối đa 12 điểm.

- *Hiệu quả xã hội*: Được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo và bảo vệ môi trường, tối đa 8 điểm.

2.3. Khả năng áp dụng: Số điểm tối đa là 30 điểm, cụ thể như sau:

- Giải pháp kỹ thuật đã được áp dụng trong thực tế với quy mô toàn tỉnh tối đa 30 điểm.

- Giải pháp kỹ thuật đã được áp dụng trong thực tế ở một đơn vị hoặc đã sản xuất thử nghiệm nhưng có khả năng áp dụng rộng rãi, tối đa 20 điểm.

- Giải pháp kỹ thuật chưa được áp dụng nhưng qua phân tích, đánh giá có khả năng áp dụng trong thực tế, tối đa 15 điểm.

3. Tiêu chí xét, trao giải

3.1. Tổng điểm tối đa cho một giải pháp là 100 điểm, điểm ứng với giải thưởng như sau:

- Giải Nhất: Các giải pháp kỹ thuật đạt từ 90 đến 100 điểm.

- Giải Nhì: Các giải pháp kỹ thuật đạt từ 80 đến dưới 90 điểm.

- Giải Ba: Các giải pháp kỹ thuật đạt từ 70 đến dưới 80 điểm.

- Giải Khuyến khích: Các giải pháp kỹ thuật đạt từ 50 đến dưới 70 điểm.

3.2. Trường hợp có nhiều giải pháp kỹ thuật đủ điểm đạt cùng hạng giải, thì chọn những giải pháp kỹ thuật có điểm từ cao xuống thấp.

3.3. Trường hợp có nhiều giải pháp kỹ thuật có cùng số điểm đạt giải thì chọn những giải pháp kỹ thuật có điểm về hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn./.

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ GIẢI PHÁP KỸ THUẬT DỰ THI

TT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa
1	Tính mới, tính sáng tạo	30
	- Nếu giải pháp kỹ thuật chưa được bộc lộ ở Bắc Giang dưới hình thức sử dụng hoặc mô tả trong các nguồn thông tin kỹ thuật đã được phổ biến.	30
	- Nếu giải pháp kỹ thuật đã được mô tả trong các nguồn thông tin có ở Bắc Giang hoặc giải pháp đã có ở Bắc Giang nhưng lần đầu tiên được áp dụng, chế tạo và có cải tiến, so với giải pháp hiện có.	20
2	Hiệu quả kinh tế, xã hội, kỹ thuật	40
2.1	- Hiệu quả kinh tế: là lợi ích kinh tế thu được do áp dụng giải pháp kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Hiệu quả kinh tế được xác định bằng 1 trong 2 trường hợp:	20
	+ So sánh các chỉ tiêu tiết kiệm đạt được trên cơ sở kết quả thực nghiệm, áp dụng thử giải pháp kỹ thuật dự thi với giải pháp kỹ thuật đã biết.	20
	+ Phân tích, đánh giá những lợi ích có thể đạt được khi áp dụng giải pháp vào thực tiễn sản xuất và đời sống.	16
2.2	- Hiệu quả kỹ thuật: được thể hiện bằng những chi tiết kỹ thuật mới, tiến bộ hơn của giải pháp kỹ thuật dự thi với giải pháp kỹ thuật đã biết.	12
2.3	- Hiệu quả xã hội: được thể hiện dưới dạng cải thiện điều kiện sống, bảo vệ sức khỏe, điều kiện làm việc, nâng cao an toàn lao động, cải tạo môi trường.	8
3	Khả năng áp dụng	30
3.1	- Nếu giải pháp kỹ thuật đã được áp dụng trong thực tế với quy mô toàn tỉnh, có khả năng áp dụng rộng rãi.	30

3.2	- Nếu giải pháp kỹ thuật đã được áp dụng trong thực tế ở một đơn vị hoặc đã sản xuất thử nghiệm nhưng có khả năng áp dụng rộng rãi.	20
3.3	- Nếu giải pháp kỹ thuật chưa được áp dụng nhưng qua phân tích, đánh giá có khả năng áp dụng trong thực tế.	15
	Tổng cộng	100